

KẾ HOẠCH

Thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Ngoại vụ kỳ 2014 - 2018

Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông kỳ 2014 - 2018. Sở Ngoại vụ ban hành Kế hoạch Thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông thuộc lĩnh vực quản lý của ngành kỳ 2014 - 2018, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích.

- Phát hiện kịp thời những quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để đề xuất bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Hoàn thiện các nội dung về quy định, đồng thời nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức trong việc thực hiện thủ tục hành chính, coi việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL là nhiệm vụ thường xuyên của các phòng, đơn vị, công chức trong cơ quan.

- Phát hiện những vấn đề còn tồn tại trong việc soạn thảo, ban hành, đưa tin, kiểm tra, rà soát... văn bản thuộc từng lĩnh vực quản lý của ngành để rút kinh nghiệm, góp phần hoàn thiện công tác xây dựng văn bản QPPL của tỉnh.

2. Yêu cầu.

- Cụ thể hóa nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của các phòng, đơn vị theo lĩnh vực, công việc phụ trách. Xác định cụ thể thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các phòng, đơn vị trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do ngành tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành giai đoạn 2014 - 2018.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của ngành.

- Nội dung, trình tự, thủ tục rà soát, hệ thống hóa văn bản phải được thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA

Văn bản QPPL do Sở chủ trì soạn thảo và tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu⁽¹⁾ và văn bản QPPL do Sở chủ trì soạn thảo và tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 (từ năm 2014 đến hết năm 2018; kể cả những văn bản mới ban hành cuối năm 2018, chưa có hiệu lực thi hành); Văn bản QPPL do đơn vị khác chủ trì soạn thảo nhưng có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở, gồm:

1. Nghị quyết QPPL còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và nghị quyết ban hành mới từ năm 2014 đến hết năm 2018;

2. Quyết định QPPL còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và nghị quyết ban hành mới từ năm 2014 đến hết năm 2018;

3. Chỉ thị QPPL của UBND tỉnh còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và các chỉ thị QPPL ban hành từ năm 2014 đến hết tháng 6/2016⁽²⁾.

4. Văn bản QPPL do đơn vị khác chủ trì soạn thảo nhưng có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức triển khai.

Các phòng thuộc Sở tổ chức phổ biến, quán triệt các nội dung của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý.

- Đơn vị thực hiện: Các phòng thuộc Sở.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Sở.

- Thời gian thực hiện: Quý I/2018.

2. Thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

a. Thu thập, tập hợp văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa

Các phòng thuộc Sở có trách nhiệm thu thập, tập hợp văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh, gồm:

⁽¹⁾ Hệ thống hóa kỳ đầu đã thực hiện năm 2013 với đối tượng là văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp được ban hành từ ngày 01/01/2004 đến ngày 31/12/2013 theo quy định tại Điều 22 Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Kết quả hệ thống hóa kỳ đầu được công bố tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 20/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông

⁽²⁾ Theo Điều 4, Khoản 2 Điều 172 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, từ tháng 7/2016, UBND các cấp không còn ban hành văn bản QPPL với hình thức Chỉ thị; các chỉ thị QPPL đã ban hành trước đây, đến tháng 7/2016 vẫn còn hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc bị thay thế bằng văn bản QPPL khác.

- Văn bản do đơn vị đã chủ trì soạn thảo.
- Văn bản do đơn vị khác chủ trì soạn thảo nhưng có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước Sở.

Việc thu thập, tổng hợp văn bản phải hoàn thành trong Quý II/2018.

b. Rà soát văn bản đã thu thập được

Các phòng thuộc Sở có trách nhiệm vận dụng quy định về rà soát văn bản quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, tiến hành rà soát cụ thể từng văn bản đã thu thập, tổng hợp theo Mục a nêu trên; trên cơ sở đối chiếu, so sánh hình thức, nội dung văn bản với quy định pháp luật hiện hành có liên quan và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh, xác định rõ:

- Văn bản hết hiệu lực toàn bộ, thời điểm, lý do hết hiệu lực.
- Văn bản hết hiệu lực một phần, phần hết hiệu lực, thời điểm, lý do hết hiệu lực.
- Văn bản còn hiệu lực. Trong những văn bản còn hiệu lực này, văn bản nào cần phải bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế, ngưng hiệu lực, lý do đề xuất.

* Đối với các Chỉ thị QPPL còn hiệu lực, theo điểm e Khoản 7 Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, các chỉ thị này phải được rà soát để bãi bỏ hoặc thay thế bằng các văn bản phù hợp.

* Qua rà soát, nếu phát hiện văn bản của Trung ương đã có quy định nhưng HĐND, UBND chưa có văn bản điều chỉnh trong lĩnh vực này hoặc cần có biện pháp, chính sách cụ thể để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND, UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở thì phải đề xuất ban hành mới.

* Nếu có văn bản do các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội chủ trì soạn thảo thuộc lĩnh vực quản lý của Sở thì có trách nhiệm rà soát văn bản do các tổ chức này tham mưu.

Kết quả thực hiện được lập thành báo cáo kết quả hệ thống hóa, Danh mục văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa của đơn vị đã qua rà soát theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo; hoàn thành, gửi về Văn phòng Sở trước ngày 20/8/2018.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Sở thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND tỉnh và UBND tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở do phòng tham mưu hoặc chủ trì soạn thảo và báo cáo kết quả rà soát về Văn phòng Sở theo thời gian quy định.

2. Văn phòng Sở tham mưu Lãnh đạo Sở thành lập Bộ phận rà soát gồm đại diện lãnh đạo Sở, đại diện các phòng thuộc Sở, Văn phòng Sở phụ trách chung và làm đầu mối tổ chức thực hiện; báo cáo đầu mối tổ chức thực hiện (họ và tên,

chức vụ, số điện thoại), về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) trước ngày 10/3/2018.

3. Văn phòng Sở có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các phòng gửi về và báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) trước ngày 30/8/2018.

4. Văn phòng Sở có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các phòng thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo đúng thời gian quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Ngoại vụ kỳ 2014 - 2018./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh; (b/c)
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn; (t/h)
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Huy Toàn

Đơn vị:.....

PHỤ LỤC 01

Danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc đối tượng hệ thống hóa kỳ 2014-2018 trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao

1. Văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa

STT	Loại văn bản ⁽³⁾	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu	Ngày, tháng, năm có hiệu lực	Kết quả rà soát ⁽⁴⁾	Ghi chú
01	Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị	.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Hết hiệu lực từ ngày (được thay thế/bãi bỏ tại Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày .../.../...)	Văn bản do đơn vị chủ trì xây dựng
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Phù hợp pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội hiện hành của tỉnh	
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Hết hiệu lực một phần từ ngày(Điểm...Khoản...Điều được thay thế/sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ tại Quyết định số...../QĐ-UBND ngày .../.../...)	
		.../.../.....	Tăng cường.....	.../.../.....	Cần bãi bỏ, vì ...(nội dungkhông còn phù hợp tình hình kinh tế - xã hội hiện	Văn bản do

⁽³⁾ Là nghị quyết, quyết định hoặc chỉ thị QPPL – sắp xếp theo thời gian ban hành từ trước đến nay theo quy định tại Điều 168 Nghị định 34/2016/NĐ-CP.

⁽⁴⁾ Theo Điều 153 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Điều 143 Nghị định 34/2016/NĐ-CP thì kết quả rà soát được thể hiện thông qua các đề xuất:

- **Còn hiệu lực** nếu phù hợp quy định pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội hiện tại;
- **Hết hiệu lực toàn bộ** nếu toàn bộ văn bản đã được thay thế, bãi bỏ bởi văn bản khác; **hết hiệu lực một phần** nếu phần nội dung đó được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi văn bản khác;
- **Cần bãi bỏ** nếu không còn phù hợp mà không cần ban hành văn bản thay thế;
- **Sửa đổi, bổ sung** nếu có một phần nội dung không còn phù hợp; **thay thế** nếu phần lớn hoặc toàn bộ nội dung không còn phù hợp;
- **Ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần** trong thời hạn xác định để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội phát sinh

					<i>hành/không còn phù hợp quy định tại...../đã thực hiện xong)</i>	<i>đơn vị khác chủ trì xây dựng</i>
		.../.../.....	<i>Quy định.....</i>	.../.../.....	<i>Cần sửa đổi, bổ sung, vì theo Điều...Luật../Nghị định../Thông tư... thì nên quy định tại các Điềubản Quy định không còn phù hợp</i>	
		.../.../.....	<i>Quy định.....</i>	.../.../.....	<i>Cần thay thế, vì theo Điều...Luật../Nghị định../Thông tư... thì nên phần lớn/nội dung tại văn bản không còn phù hợp</i>	
		.../.../.....	<i>Quy định.....</i>	.../.../.....	<i>Cần ngưng hiệu lực toàn bộ/phần.... đến hết thời hạn....., vì....(nếu rõ để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội nào phát sinh dẫn đến phải ngưng hiệu lực trong thời hạn xác định)</i>	

2. Văn bản cần ban hành mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao (văn bản của Trung ương quy định địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết nhưng HĐND, UBND tỉnh chưa ban hành hoặc xuất phát từ yêu cầu quản lý nhà nước thực tế nhưng chưa có văn bản điều chỉnh)

STT	Loại văn bản cần ban hành ⁽¹⁾	Dự kiến trích yếu	Căn cứ để ban hành ⁽⁵⁾	Thời điểm dự kiến ban hành	Ghi chú
------------	---	--------------------------	--	-----------------------------------	----------------

⁽⁵⁾ Nêu rõ điều, khoản văn bản của Trung ương quy định việc HĐND, UBND tỉnh phải ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc thực tế kinh tế - xã hội cần có sự quản lý của Nhà nước nhưng chưa có văn bản điều chỉnh

	<i>Nghị quyết</i>	<i>Về....</i>	<i>Cần có chính sách, biện pháp này để thực hiện nhiệm vụ của HĐND tỉnh theo quy định tại Điểm...Khoản... Điều ...Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, luật....</i>	<i>Trong quý/2018</i>	
	<i>Quyết định</i>	<i>Về....</i>	<i>Theo Điểm ...Khoản ...Điều ...Nghị định số... thì UBND tỉnh phải ban hành văn bản quy định chi tiết nội dung này</i>		

LÃNH ĐẠO PHÒNG

(ký tên)